



Ở hầu hết các quốc gia, mục tiêu ổn định luôn đi kèm với mục tiêu tăng trưởng. Phần lớn đều nhắm tới tăng trưởng bền vững, không tăng quá “nóng” vì khi tăng trưởng nhanh liên tục có thể lãnh chịu hậu quả rất lớn do lạm phát. Lạm phát cao sẽ làm cho nền kinh tế không còn ổn định và những hệ lụy lâu dài của nó không một người Việt Nam nào đã từng trải qua giai đoạn lạm phát phi mã của những năm 1986-1987 là không khỏi lo sợ.

THS. LAI VĂN TÀI

Dùng Mindmap phác họa bức tranh về

Nguyên nhân lạm phát ở Việt Nam hiện nay

Trong 2-3 năm trở lại đây, lạm phát ở Việt Nam đang có chiều hướng rục rịch gia tăng, năm sau cao hơn năm trước và theo số liệu cập nhật mới nhất, chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2007 tăng tới 2,91% so với tháng 11 đã góp phần nâng tổng mức lạm phát cả năm 2007 lên tới 12,63%, mức 2 con số - lạm phát phi mã. Với diễn tiến này, mọi người đều thấy lo lắng và tìm mọi cách để kiềm chế nó. Có khá nhiều biện pháp tiền tệ được áp dụng nhưng dường như kết quả đạt được vẫn không đúng như mong đợi. Bài viết này sẽ tập trung phân tích một số khía cạnh về lạm phát cũng như các nguyên nhân cốt yếu gây nên lạm phát hiện nay đồng thời bàn về một số biện pháp cấp thiết cũng như lâu dài cho quá trình ngăn ngừa lạm phát.

Trước hết, ta có thể tìm hiểu vài nét về khái niệm “lạm phát”. Có nhiều định nghĩa khác nhau về lạm phát, trong đó đa phần đều đề cập “đó là tình trạng mức giá chung trong nền kinh tế tăng lên” và một định nghĩa khác được dùng như một định hướng chính sách để kiềm chế lạm phát đó là “hiện tượng lượng cung tiền quá lớn, cao hơn nhu cầu sử dụng tiền trong nền kinh tế”, chính lượng tiền dư thừa này sẽ kích thích nhu cầu tiêu dùng trong nền kinh tế làm cầu tăng và hậu quả là giá cả gia tăng - lạm phát. Dựa trên định nghĩa dư cung tiền, đa phần các biện pháp kiềm chế lạm phát đều tập trung vào chính sách tiền tệ và việc điều tiết lượng cung tiền trong nền kinh tế. Thực chất, cung tiền dư thừa chỉ là một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng tăng giá hàng hoá. Vì khi nền kinh tế thị trường vận hành theo quy luật cung cầu, giá cả hàng hoá còn phụ thuộc vào rất nhiều những nguyên nhân khác như thu nhập, trạng thái tâm lý - thị hiếu người tiêu dùng, kỳ vọng của người tiêu dùng lẫn nhà sản xuất, thuế... Do vậy, các biện pháp kiềm chế lạm phát không nên chỉ tập trung vào chính sách tiền tệ mà còn nên quan tâm thêm đến những yếu tố tác động

đến cung cầu hàng hoá trong nền kinh tế.

Việt Nam dùng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) để tính lạm phát với rổ hàng hoá tiêu dùng gồm 494 loại hàng hoá chia làm 10 nhóm, trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống chiếm trọng số cao nhất trong rổ hàng hoá với xấp xỉ 49% và đây cũng là nhóm có tỷ lệ tăng giá cao nhất hiện nay; nhóm có tỷ lệ tăng giá cao thứ 2 có thể kể là nhóm hàng nhà ở và vật liệu xây dựng. Lạm phát hiện đang tăng mạnh cũng do sự tăng giá mạnh của 2 nhóm hàng này. Có nhiều bài viết khi đề cập đến lạm phát tăng cao thì cho rằng do cách tính lạm phát của ta không phù hợp hay do rổ hàng hoá dùng để tính chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã lỗi thời và đề nghị cách tính mới sẽ cho thấy tỷ lệ lạm phát thấp hơn để yên tâm là ta đã không rơi vào tình trạng lạm phát cao. Vậy khi lạm phát thấp, thậm chí có năm lạm phát âm (giảm phát) xảy ra, sao không đề cập đến cách tính lạm phát? Có lẽ ta nên chấp nhận một điều là trước đây ta tính như thế nào thì bây giờ ta cũng nên tính theo cách đó thì mới thấy được sự bất ổn của thị trường. Đồng thời ta cũng nên chấp nhận một thực tế là: Mức giá chung trong nền kinh tế hiện đã tăng lên vượt lên 2 con số, đây là mốc nguy hiểm, để từ đó tìm những giải pháp khắc phục hữu hiệu hơn là đi dùng “nghệ thuật” đổi cách tính để “ru ngủ” chúng ta rằng lạm phát ở ta vẫn còn thấp và ta có thể ở yên, ăn no, ngủ kỹ. Điều đó sẽ nguy hiểm hơn rất nhiều so với việc ta chấp nhận là mức lạm phát của ta cao.

Sau đây chúng ta sẽ phân tích về những nguyên nhân cốt yếu gây nên tình trạng lạm phát ở Việt Nam hiện nay bằng sơ đồ mindmap - Một biểu đồ tư duy khá hiệu quả trong việc phân tích nguyên nhân có thể sử dụng thay thế khá hiệu quả cho biểu đồ nhân quả do tính đơn giản dễ sử dụng của nó. Sơ đồ bắt đầu với vấn đề chính cần xem xét đặt ở trung tâm, các ý chính, nguyên nhân trực tiếp được vẽ nối với vấn đề trung tâm (có thể dùng mũi tên hay không).

Từ những ý chính này, các ý phụ cấp một được triển khai, những nguyên nhân con cấp hai dẫn đến vấn đề cấp một được thể hiện, những nhánh nhỏ hơn sẽ tiếp tục được vẽ để thể hiện nguồn gốc tạo ra những nguyên nhân con cấp hai này. Cứ thế sơ đồ được phát triển ra những nhánh phụ nhỏ hơn nữa cho đến khi tìm được những nguyên nhân gốc rễ của vấn đề. Bằng việc kết hợp vẽ sơ đồ tự do với phương pháp não công, vấn đề sẽ được phân tích đầy đủ, có hệ thống và mang tính thuyết phục cao hơn.

Với lạm phát của Việt Nam vừa qua, sơ bộ có thể quy cho một số vấn đề chính sau: Do tình trạng cầu tăng cao vượt cung hàng hoá; do cung tiền tăng nhiều dẫn tới dư cung tiền; do yếu tố tâm lý của người bán lẫn người mua góp phần tăng giá; do đồng tiền Việt Nam được định giá cao; do bất động sản tăng giá; và do tác động đồng thời của nhiều chính sách tạo nên sự cộng hưởng trong việc tăng giá hàng hoá. Phần sau chúng ta sẽ phân tích những nguyên nhân sâu sa hơn của các vấn đề này và là những nguyên nhân

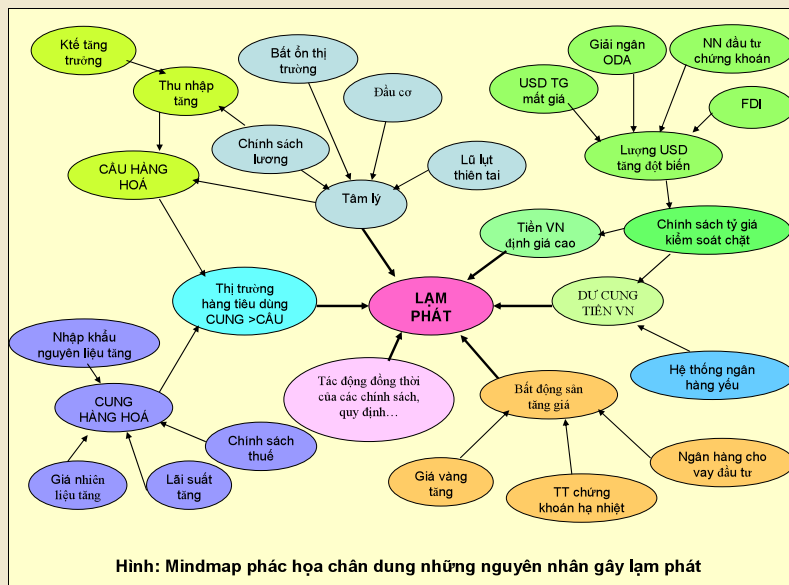
liệu rất thấp, dưới mức 30% tổng lượng nhập khẩu. Vì thế chú trọng vào đầu tư sản xuất nguyên liệu cũng là một hướng đi cần được đặc biệt quan tâm.

Trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng nhanh, nhu cầu đầu tư/ nhu cầu về vốn cũng tăng cao, hàng loạt các ngân hàng mới lỏng tín dụng và nâng cao lãi suất để cân đối hoạt động. Lãi suất tăng làm chi phí đầu tư tăng sẽ hạn chế hoạt động đầu tư, ảnh hưởng không tốt đến cung hàng hoá. Lãi suất tăng làm chi phí hoạt động doanh nghiệp tăng theo. Để bù đắp chi phí và đảm bảo lợi nhuận không bị ảnh hưởng, người bán cũng mong muốn tăng cao giá bán. Đồng thời việc mới lỏng tín dụng của các ngân hàng cũng góp phần làm giảm bớt tác động của chính sách tiền tệ trong điều tiết lượng cung tiền nhằm kiềm chế lạm phát.

Giá dầu tăng cũng là một vấn đề lớn gây nên lạm phát. Giá dầu thế giới tăng cao kéo theo giá vàng tăng đột biến và giá nhiên liệu trong nước cũng tăng với tỷ lệ lớn (15%). Điều này đã tạo nên một “làn sóng” tăng giá tức thời ở hầu hết các mặt hàng lương thực

thực phẩm và hàng tiêu dùng. Xăng dầu tăng giá không chỉ dừng lại ở đó mà còn gây ra một hiệu ứng dây chuyền làm tăng giá ở hầu hết các mặt hàng và cuối cùng, giá nguyên vật liệu cũng tăng theo. Tác động này lại làm giá cả hàng hoá tăng tiếp tục. Xu hướng này rất dễ dẫn đến tình trạng lạm phát chi phí đẩy và hiệu ứng tăng giá của “vòng xoáy lạm phát”.

Vấn đề kế tiếp là sau khi giá cả hàng hoá đã tăng, tâm lý của người bán vẫn muốn giữ nguyên giá hoặc nếu có giảm thì chỉ giảm chút ít (tăng nhiều và nhanh, giảm chậm và ít) cho dù giá nhiên liệu, giá vàng có giảm mạnh trở lại hay nhà nước dùng những biện pháp như giảm thuế để hỗ trợ đi chăng nữa. Trong khi tiếp tục tăng thì họ lại tăng giá thêm lần



Hình: Mindmap phân tích các nguyên nhân gây lạm phát

cốt lõi của vấn đề lạm phát cao.

Nền kinh tế của ta phụ thuộc quá nặng vào nhập khẩu nguyên vật liệu. Theo ông Nguyễn Đình Bích – chuyên gia kinh tế Bộ Công thương – thì rõ hàng hoá nhập khẩu của ta bằng khoảng 75% GDP quốc gia. Nhập khẩu nguyên vật liệu chiếm xấp xỉ 70% rõ hàng hoá nhập khẩu. Lượng hàng nhập khẩu năm nay tăng cao trong khi giá nguyên liệu thế giới cũng có sự biến động rất lớn. Theo số liệu thống kê của IMF, nếu như trong giai đoạn 1995 – 2003, giá nguyên liệu thế giới chỉ tăng tổng cộng khoảng 20% thì liên tục trong 3 năm vừa qua chỉ số giá nguyên vật liệu này đã có sự “đại nhảy vọt” (năm 2004 tăng 26,57%; năm 2005 tăng 29,17%; năm 2006 tăng 21,92%; và chỉ 5 tháng đầu năm 2007 đã tăng 17,1%). Chính điều này đã tác động đến cung sản phẩm, làm tăng giá thành sản xuất và giá bán hàng hoá. Các nước khác cũng đứng trước tình hình tăng giá nguyên liệu nhưng tốc độ lạm phát vẫn thấp là nhờ họ đã chủ động được nguồn nguyên vật liệu với tỷ trọng nhập khẩu nguyên vật

nhiều doanh nghiệp đã bị phát hiện giữ giá để thu lợi cao hơn mặc dù chính phủ đã giảm thuế nhập khẩu đáng kể cho họ và những khoản thu lợi bất chính này cũng đã bị tịch thu khi nhà nước phát hiện. Nhưng liệu có bao nhiêu doanh nghiệp bị phát hiện giữ giá cao để thu lợi bất chính và bị truy thu? Con số này thật sự rất nhỏ so với những vi phạm thực tế của thị trường. Ngoài ra, nếu chỉ bị truy thu phần chênh lệch do không giảm giá và không bị gì thêm đồng thời chỉ bị truy thu khi bị phát hiện thì nếu là DN của mình, bạn có nên giảm giá không hay vẫn tiếp tục giữ giá cao? Thiết nghĩ cũng cần có chế độ thưởng phạt rõ ràng hơn khi thực thi chính sách bình ổn giá.

Ngoài ra, hiệu ứng tâm lý trong việc định giá cũng góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng giá. Với tâm lý an toàn trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, khi giá xăng dầu chỉ mới có khuyh hướng tăng giá thì người bán đã tăng giá bán sản phẩm của mình trước rồi. Hiệu ứng tâm lý này cũng cần lưu tâm tới khi đề cập đến các giải pháp kiềm chế lạm phát. Trong năm qua, hàng loạt những khó khăn do thiên tai, dịch bệnh liên tục xảy ra đe dọa đời sống sản xuất

của người dân VN. Liên tục các trận bão lụt, dịch cúm gia cầm, dịch heo bò... đã làm cho cuộc sống của nhiều hộ gia đình đi đến bế tắc. Sau những đợt thiên tai này, hàng hoá thường trở nên khan hiếm tạo cơ hội cho thương buôn tăng giá. Điều này góp phần làm cho thị trường càng trở nên bất ổn. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, người dân thường có tâm lý dự phòng cho những tình huống rủi ro bằng cách tích trữ. Một số khác lại có khuynh hướng đầu cơ, giữ hàng thật nhiều để tung ra kiếm lời vào những dịp đặc biệt. Điều này cũng góp phần làm tăng nhu cầu hoặc khan hiếm hàng một cách giả tạo và hậu quả cuối cùng là làm tăng giá bán hàng hoá.

Việc thực thi chính sách thu nhập cũng góp phần làm tăng lạm phát. Thu nhập hiện nay tăng lên một phần nhờ vào tốc độ phát triển kinh tế tăng cao và một phần cũng từ chính sách tăng lương tối thiểu của nhà nước. Khi thu nhập tăng sẽ kéo theo nhu cầu hàng hoá cũng tăng. Thực tế các quyết định tăng lương thường được công bố trước và người lao động chưa được nhận mức lương mới thì giá cả ngoài thị trường đã tăng trước rồi. Không thể phủ nhận rằng thu nhập bình quân của ta còn quá thấp so với thế giới và chính sách rút ngắn thời gian đạt mốc thu nhập 1.100US\$ trước một năm của chính phủ (2009 thay vì 2010) sẽ góp phần nâng cao mức sống của người dân. Nhưng với việc tăng giá trước tăng lương thì tăng thu nhập này không những không tăng được mức sống của người dân mà có thể còn làm cho cuộc sống người dân giảm xuống. Vậy, thực chất của vấn đề này là do đâu? Theo tác giả thì đây không phải do bản thân chính sách tăng thu nhập mà là do cách làm của ta có vấn đề. Việc tăng lương là nhằm giúp cho mức sống của người dân được nâng cao hoặc ít nhất cũng bù đắp được sự mất giá của đồng tiền do lạm phát. Ta hiện có lộ trình tăng lương cụ thể và có khoảng cách khá xa giữa các lần tăng lương. Chính vì khoảng cách xa này nên mỗi lần tăng lương, biên độ tăng khá lớn. Người bán cũng muốn tăng thu nhập của mình bằng cách tăng giá bán. Rốt cuộc, người được tăng lương càng cảm thấy khó khăn hơn so với trước đó. Nếu thấy việc tăng lương thường xuyên để mức sống của những người hưởng lương “nhà nước” không đổi là cần thiết thì không nên lâu lâu mới công bố lên lương một lần mà có thể quy định một lần mức lương tối thiểu sẽ tăng thường xuyên theo tỷ lệ lạm phát hay cao hơn lạm phát một ít và người hưởng lương chấp nhận độ trễ 1 tháng. Làm như thế, tâm lý người bán sẽ dễ chịu hơn và sẽ không có sự tăng giá đột biến. Ngoài ra, nếu muốn xét đến sự công bằng trong việc trả lương, việc tăng lương nên đi kèm với hiệu quả công việc chứ không nên thuần túy tăng lương trong khi công việc chẳng có gì là khác hơn so với trước. Thiết nghĩ, nên để DN tự chủ hơn trong việc trả lương theo hiệu quả công việc, khi đó, có thể vừa tăng tiến năng suất lao động và thu nhập của người lao động cũng sẽ tự nhiên được cải thiện, điều này sẽ không gây hiệu ứng tăng giá do tăng lương thuần túy và đại trà.

Lúng túng trong điều hành thị trường tiền tệ cũng

là một trong những nguyên nhân gây lạm phát. Sự lúng túng này một phần là do khả năng dự báo của ta còn kém và một phần còn do cơ chế quản lý hệ thống ngân hàng chưa chủ động, NHNN vẫn chưa thể hiện hết vai trò vốn có của nó do chưa đảm bảo được quyền tự chủ tuyệt đối và còn phụ thuộc nhiều vào sự điều tiết của chính phủ. Cùng với việc nước ngoài ồ ạt đổ tiền vào VN đầu tư chứng khoán, đồng đô la giảm giá nên mọi người cũng không muốn giữ nhiều tiền USD trong tay, các nhà đầu tư nước ngoài cũng tăng cường đầu tư với lượng FDI tăng đột biến, cộng với việc giải ngân ODA trong năm cũng tăng trưởng khá mạnh làm cho thị trường tiền USD trở nên dư thừa. Với chính sách kiểm soát tỷ giá chặt không để ảnh hưởng đến xuất khẩu, trong 6 tháng đầu năm chính phủ phải bỏ một lượng tiền hơn 112 ngàn tỷ Đồng để mua USD làm gia tăng lượng cung tiền rất lớn trên thị trường. Mặc dù chính phủ đã dùng công cụ tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên gấp đôi phối hợp với công cụ thị trường mở nhưng hiệu quả đạt được là không nhiều. Rất nhiều phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ chỉ có 1-3 ngân hàng tham gia và đã có những phiên không thành công. Lãi suất trần của nghiệp vụ thị trường mở thường bằng lãi suất tái cấp vốn; lãi suất sàn là lãi suất tái chiết khấu của NHNN. Trong khi đó, từ tháng 12 năm 2005 đến nay, các mức lãi suất chính thức do NHNN công bố tiếp tục được giữ ổn định: Lãi suất cơ bản 8,25%; lãi suất tái cấp vốn 6,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu 4,5%/năm đã không hấp dẫn được các NHTM.

Ngoài ra, một số chuyên gia cho rằng tiền VN được định giá quá cao. Khi xét về sức mua của đồng tiền (PPP), thì 1 USD mua ở Việt nam sẽ được nhiều hàng hoá hơn khi mua với mức giá chuẩn của thế giới. Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, GNI bình quân đầu người của Việt nam là 620 USD tương đương với 3.000 USD tính theo PPP, gấp 383,87% lần. Điều đó có nghĩa là 1 USD thu nhập của VN tính tương đương sẽ cao gấp hơn 3 lần nếu tính theo giá trị PPP. Với mặt bằng giá thấp hơn mức chuẩn chung và xu thế mở cửa hoà nhập với thế giới, xu hướng tăng giá ở Việt Nam là điều khó tránh khỏi. Điều này càng tạo áp lực tăng giá khi thu nhập của người dân liên tục tăng lên trong những năm gần đây. Vì vậy việc kiểm soát tỷ giá quá chặt cũng là một tác nhân gây lạm phát.

Việc ngân hàng thả lỏng tín dụng, cho phép các nhà đầu tư vay mua vàng, bất động sản, tài sản... cũng góp phần làm tăng nhu cầu, làm cho tình trạng lạm phát càng trở nên trầm trọng thêm. Mặc dù lãi suất tái chiết khấu không tăng, nhiều ngân hàng vẫn liên tục tăng lãi suất để cạnh tranh với nhau. Điều này cũng góp phần đẩy nhanh tốc độ tín dụng trong năm 2007, gây khó khăn trong việc điều tiết thị trường tiền tệ và cũng ảnh hưởng đến chính sách kiềm chế lạm phát. Dĩ nhiên, việc kích thích nhu cầu để tăng trưởng là cần thiết, nhưng dùng lãi suất cao để gia tăng vòng quay tạo tiền là vấn đề cần xem lại trong thời điểm lượng tiền mạnh được đưa vào lưu thông nhiều để thu tiền USD về.

Thị trường chứng khoán hạ nhiệt, nhà đầu tư có xu hướng chuyển sang kinh doanh đất đai, cộng thêm giá vàng liên tục tăng cao, khiến cho thị trường bất động sản càng trở nên sôi động. Sau một khoảng lặng khá dài, giá bất động sản đã được dịp bùng phát và tăng mạnh, góp phần làm tăng chỉ số CPI. Ngoài ra, khi giá bất động sản tăng, giá thuê mướn mặt bằng, nhà nghỉ cũng tăng cao, cộng với việc lượng khách du lịch tăng trưởng khá nhanh do những chính sách tích cực của ngành du lịch làm cho giá thuê mướn phòng dịch vụ tăng do cung không đủ cầu. Chi phí thuê mướn mặt bằng tăng cũng góp phần làm tăng mức giá chung của nền kinh tế.

Tác động không hài hoà và đồng bộ của một loạt các chính sách cũng góp phần đẩy nhanh tốc độ lạm phát. Các quy định bắt buộc đội nón bảo hiểm, cấm xe 3 bánh tự chế lưu thông trong khi giá xăng dầu tăng cao, tình hình SX xe ô tô vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu..., những điều này góp phần làm tăng mạnh chi phí vận tải. Đặc biệt là hàng loạt các quy định này lại diễn ra đúng vào thời điểm chuẩn bị đón tết, tác động của nó cộng với hoạt động đầu cơ của người bán đã làm giá cả hàng hóa tăng vọt.

Trên đây là bức tranh chung về những yếu tố gây nên tình trạng lạm phát của VN hiện nay. Ngoài những gợi ý mang tính chất của những giải pháp tình huống trong phần phân tích, phần sau sẽ đề cập thêm một số những giải pháp giúp kiềm chế lạm phát xét ở cả 2 khía cạnh ngắn hạn và dài hạn.

Trong ngắn hạn, các công cụ của chính sách tiền tệ như tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tăng lãi suất chiết khấu, sử dụng các công cụ của thị trường mở như phát hành trái phiếu để thu tiền về... đều có thể áp dụng, nhưng hiệu quả của những công cụ này còn phụ thuộc vào thực trạng riêng của từng thời điểm và cần phải được phân tích kỹ trước khi áp dụng. Chẳng hạn như công cụ thị trường mở gần đây không đạt được hiệu quả như mong đợi là do vấn đề tâm lý của người mua. Các ngân hàng không mặn mà về việc tham gia đầu thầu trái phiếu do lợi ích từ trái phiếu chính phủ không đủ hấp dẫn, lãi suất không cao, đồng thời việc đưa trái phiếu ra cho công chúng cũng không có gì là khả quan. Người dân vẫn còn ám ảnh về vụ công trái trước đây, vẫn còn chưa quen với việc mua trái phiếu là một loại hình đầu tư và cũng có thể là vì mức lãi suất của trái phiếu nhà nước chưa đủ sức hấp dẫn người dân. Trong khi đó hoạt động kinh doanh chứng khoán có vẻ hấp dẫn các ngân hàng hơn nhiều so với việc đầu tư vào trái phiếu của nhà nước.

Với nguyên nhân cung cầu thị trường hàng hoá không cân đối, ta không thể giảm cầu để kiềm chế lạm phát vì đây là yếu tố kích thích cho hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất. Thay vào đó ta nên tập trung nhiều vào khía cạnh cung hàng hoá và cách định giá của người bán. Trong đó, để tăng cung, ngoài chính sách giảm thuế nhập khẩu đang thực hiện dù chưa đạt hiệu quả do cầu vẫn còn quá cao so với cung, thì những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất hàng

hoá là điều mà chính phủ cần quan tâm. Ngoài ra, việc định hướng lại cơ cấu đầu tư cũng là một giải pháp có thể xem xét, trong đó đầu tư để sản xuất nguyên vật liệu thay thế nguyên liệu nhập khẩu sẽ góp phần ổn định giá bán khi giá nguyên liệu thế giới thay đổi. Tuy nhiên, tác động của giải pháp này chỉ có thể áp dụng như một biện pháp lâu dài.

Chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ cần kết hợp với việc cân đối dòng ngoại hối chảy vào VN sẽ góp phần ổn định nhanh chóng tài chính trong nước và việc điều tiết thị trường tiền tệ sẽ dễ dàng hơn. Xét về lâu dài, nên nói dần biên độ kiểm soát tỷ giá để không gặp phải tình trạng phải đưa quá nhiều tiền vào lưu thông khi cung tiền đô quá nhiều, đồng thời giá trị của đồng VN cũng sẽ tự điều tiết không lên cao quá mức tạo đà tăng lạm phát như hiện nay.

Xét về lâu dài, cần nhanh chóng cải cách hệ thống ngân hàng, nâng cao tính tự chủ của NHNN trong việc điều hành chính sách tiền tệ, trả đúng nó về bản chất thực vốn có của nó. Đồng thời cải thiện hoạt động và chất lượng tín dụng ở các ngân hàng.

Ổn định tâm lý người dân (cho cả người mua lẫn người bán) là yếu tố cần được xem xét đúng mực. Cần xem xét lại hệ thống dự trữ quốc gia sao cho có thể đảm bảo cuộc sống người dân ổn định cả trong điều kiện thiên tai bất chợt. Xây dựng một hệ thống thông tin trung thực, hoàn hảo góp phần ổn định tâm lý người dân, không nên kéo dài tâm lý có quá nhiều rủi ro thị trường, quá nhiều chính sách, quy định đột ngột, không dứt khoát gây cho người mua lẫn người bán tâm trạng bất an. Những chính sách, quy định, chương trình, luật lệ cần quan tâm đến yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Như vậy sẽ không tạo những hiệu ứng bất thường, tác động dây chuyền làm tăng giá đột ngột hay tạo tâm lý không tốt cho những người có khả năng ảnh hưởng đến giá bán.

Trên đây chỉ là một số biện pháp mang tính định hướng khả dĩ có thể thực thi nhằm khắc phục những nguyên nhân gây ra lạm phát cao. Dĩ nhiên trong quá trình phát triển, lạm phát không phải là luôn luôn xấu, trái lại lạm phát vừa phải cũng góp phần kích thích sản xuất, tăng trưởng kinh tế. Vấn đề là nên duy trì một mức lạm phát vừa phải, không quá cao để có thể ảnh hưởng đến chất lượng phát triển kinh tế. Vì thế, các chính sách tiền tệ (tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tăng lãi suất chiết khấu, dùng công cụ thị trường mở...) và chính sách tài chính (giảm thuế nhập khẩu, tăng thuế chuyển nhượng bất động sản để hạn chế bớt cầu...) là những giải pháp ngắn hạn có thể nhanh chóng giúp hạ nhiệt vấn đề lạm phát trong tình huống lạm phát cao. Trong dài hạn, những giải pháp nhằm ổn định tâm lý người bán lẫn người mua, tránh gây những biến động đột ngột trên thị trường, tăng cường đầu tư đảm bảo nguồn nguyên liệu sản xuất ổn định, dần nới lỏng việc kiểm soát tỷ giá và cải thiện hệ thống ngân hàng... là những giải pháp khả thi dài hạn góp phần ổn định giá cả, ổn định kinh tế, góp phần cho công cuộc phát triển nền kinh tế bền vững ■